TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15/01/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phương;

Ông Thông Minh Tấn.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Hữu L, sinh năm 1988.
Nơi đăng ký thường trú: Ấp 4, xã X, tỉnh Đ.
Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, tỉnh L. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1982.
Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Hà Hữu L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ánh H sống chung và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh B (nay là xã T, tỉnh L) ngày 10/5/2019. Sau khi kết hôn ông và bà Nguyễn Thị Ánh H sống chung tại xã T, tỉnh L. Quá trình chung sống giữa ông và bà H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bà H không tôn trọng, thường xuyên tìm cớ, chửi bới ông. Khoảng 01

(một) năm nay ông và bà H không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống hạnh phúc, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh H.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa ông và bà H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2025, bị đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:

Bà và ông Hà Hữu L tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đăng kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã M (cũ), việc đăng ký kết hôn là tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu mặc dù vợ chồng bà cũng có những khác biệt về quan điểm sống nhưng chung sống hạnh phúc bình thường. Sau đó giữa bà và ông L phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn kể từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, do khác biệt về tính cách, suy nghĩ, cách xử sự. Bà và ông L không hóa giải được bất đồng, không tôn trọng nhau, không còn tình cảm. Vì vậy bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L để có thể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Hà Hữu L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống bà và ông L có tạo lập được một số tài sản là máy móc (vợ chồng bà làm ga ra sửa xe ô tô) và một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình; bà và ông L cũng có một số khoản nợ của người quen, người thân, vay để mua sắm máy móc, chi tiêu và một số tài sản chung. Bà đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Qua lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy ông Hà Hữu L yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn và bà Nguyễn Thị Ánh H cũng đồng ý ly hôn với ông L nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[2] Xét đơn khởi kiện của ông Hà Hữu L được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Hà Hữu L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh H. Người bị kiện là bà Nguyễn Thị Ánh H có địa chỉ cư trú tại xã T, tỉnh L. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn: Ông Hà Hữu L và bà Nguyễn Thị Ánh H tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông Hà Hữu L và bà Nguyễn Thị Ánh H đều thừa nhận cho rằng quá trình chung sống giữa hai bên đương sự xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, tranh cãi. Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh H; bị đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông L. Xét đây là sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa các đương sự nên Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Hà Hữu L và bà Nguyễn Thị Ánh H đều thống nhất xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Nguyên đơn là ông Hà Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung trong cùng vụ án. Tại biên bản lấy lời khai vào ngày 25/11/2025, Tòa án đã hướng dẫn, giải thích về việc nếu bà H yêu cầu chia tài sản và nợ chung thì bà H phải có đơn yêu cầu phản tố nộp cho Tòa án để thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết theo quy định cuả pháp luật. Tuy nhiên, kể từ thời điểm Tòa án ghi nhận lời khai và giải thích với bà H vào ngày 25/11/2025 cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm (ngày 15/01/2026), bà H không nộp cho Tòa bất cứ tài liệu, đơn khởi kiện, đơn phản tố, ý kiến trình bày gì khác; do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung trong vụ án này. Trường hợp, bà H có yêu cầu chia tài sản và nghĩa vụ chung thì có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Hà Hữu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Hữu L; ông Hà Hữu L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh H.

2. Về án phí:

Ông Hà Hữu L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003904 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; như vậy, ông Hà Hữu L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng;*
- *THADS tỉnh Lâm Đồng;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội